

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 12 - 2024

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang***

***2. Ông Võ Hoàng Anh***

***Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn*** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.***

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HN ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 10/04/1992 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số 27 đường T1, khu phố 3, phường T2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 09/09/1991 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 112 đường C, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/06/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc M trình bày:*** Chị M và anh T tự tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 18/06/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng gia đình bên chồng Số 112 đường Trần Quý Cáp, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đến cuối năm

2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị M về nhà mẹ ruột tại Số 27 Mạc Thiên Tích, khu phố 3, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

**Lý do xin ly hôn:** Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoản thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do anh T thường xuyên nhậu về kiếm chuyện dẫn đến cự cãi có lần anh T còn đánh chị M. Nay xét thấy mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng đã ly thân khoảng thời gian dài nhưng không hàn gắn được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

**Về con chung:** Chị Ngô Thị Ngọc M xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 07/09/2018 hiện nay đang sinh sống với anh T. Chị M tự nguyện giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ngô Thị Ngọc M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc M xác định không còn tình cảm yêu thương với anh T nữa và yêu cầu được ly hôn với anh T; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung, chị M giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc M khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Trần Văn T và anh T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt họp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh T cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M yêu cầu

xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Ngọc M và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 18/06/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị M và anh T không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị T xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh P nhưng được khoảng thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do anh T thường xuyên nhậu về kiếm chuyện dẫn đến vợ chồng cự cãi có lần anh T còn đánh chị M. Đến cuối năm 2018 thì chị M về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian chị M, anh T sống ly thân anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị M cũng như chứng cứ do chị M cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị Ngọc M xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 07/09/2018, hiện nay đang sinh sống cùng với cha (anh T). Chị M tự nguyện giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Toà án xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Ngọc M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung; Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh T có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Ngọc M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc M được ly hôn với anh Trần Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Trần Văn T tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Trần Gia P, sinh ngày 07/09/2018. Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngô Thị Ngọc M có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được quyền cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ngô Thị Ngọc M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Ngô Thị Ngọc M phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị M được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007328 ngày 05/08/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/12/2024), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;

- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Thùy Linh**